

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 79/2024/DS-PT

Ngày 19/9/2024

“Về việc kiện đòi tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trù Minh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc *“Kiện đòi tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số : 55/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Châu Ngọc D, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, ông Lê Xuân Đ, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T1, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01/01/2018 (âm lịch) ông Châu Ngọc D có cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân Đ vay số tiền 272.650.000đ. Khi vay có lập giấy vay tiền (nhưng lấy mẫu in sẵn của hợp đồng đầu tư phân bón), trong đó có thể hiện nội dung bà T vay một số phân bón quy thành tiền là (là nền chữ in sẵn) 272.650.000 đồng; thời hạn vay đến ngày 20/12/2018; lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng. Ngay sau khi ký hợp đồng thì bà T đã nhận đủ tiền, ký xác nhận vào bên vay. Sau đó, để đảm bảo việc trả nợ thì ông D có yêu cầu bà T ký thêm một giấy xác nhận nợ trong đó có thể hiện nội dung có vay của Nga D1 (là tên vợ chồng ông) số tiền 272.650.000 đồng hẹn trả ngày 20/12/2018; do bà T có vay trước đó 500kg cà phê nên có viết luôn vào giấy xác nhận nợ nhưng lại ghi nhầm thành 5000kg.

Khi đến hạn ông D1 đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông Đ trả nợ gốc, lãi nhưng bà T, ông Đ cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông Châu Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc bà T, ông Đ phải trả số tiền nợ gốc 272.650.000đồng tiền gốc, tiền lãi tạm tính là 126.727.000đồng và tiếp tục tính lãi suất cho đến khi trả xong nợ; và trả 500 kg cà phê nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi suất, chỉ kiện đòi 272.650.000 đồng tiền gốc; đối với 500kg cà phê nhân do không ghi hạn trả nợ nên ông D xin rút yêu cầu khởi kiện để khởi kiện thành vụ án khác; đồng thời do ông Lê Xuân Đ không tham gia thỏa thuận vay tiền và nhận tiền nên ông D chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ, xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Xuân Đ.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Thanh T1, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T và ông Lê Xuân Đ trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Thừa nhận có ký vào hợp đồng đầu tư phân bón và giấy xác nhận nợ như phía nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên, bà T thực tế không được nhận tiền và cà phê như đã xác nhận nợ.

Vào ngày 01/01/2018 do có nhu cầu mua phân bón nên bà T đã liên hệ với ông D để giao kết hợp đồng. Ông D yêu cầu bà T phải viết giấy xác nhận nợ tiền phân trước rồi mới giao phân bón. Bà T có viết 01 giấy xác nhận nợ số tiền 272.650.000 đồng nhưng do không có nội dung vay phân bón quy đổi thành tiền nên bà T yêu cầu ông D lập lại hợp đồng, do đó cùng ngày 01/01/2018 ông D lập hợp đồng đầu tư phân bón có nội dung quy đổi phân bón thành tiền là 272.650.000 đồng cho bà T ký tên, không ghi lãi suất; thời hạn trả là 20/12/2018. Xem như giấy

xác nhận nợ ngày 01/01/2018 không còn hiệu lực. Ngay khi hai bên ký kết hợp đồng, bà T đi xác minh thì phát hiện ông D không có mở đại lý kinh doanh phân bón, không có đăng ký giấy phép kinh doanh, không có chứng chỉ hành nghề, ông D mua bán phân bón chưa đăng ký khảo kiểm nghiệm trên cây trồng, chưa được phép lưu hành trên thị trường, do đó bà T không có nhận phân bón của ông D, cho nên ông D không có xuất hóa đơn giao phân bón cho bà T, ông D không có tài liệu chứng minh hợp đồng đầu tư phân bón ngày 01/01/2018 giữa ông D và bà T đã được thực hiện thành. Do đó bà T không cần yêu cầu ông D phải hủy hợp đồng đầu tư phân bón. Vì không đưa tiền cho bà T nên giữa bà T và ông D không lập biên bản giao nhận tiền. Ông D dựa vào hợp đồng đó để khởi kiện bà T là đang xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên đại diện bị đơn yêu cầu Tòa bác yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với số lượng cà phê 500kg ông D khởi kiện thì trong giấy xác nhận nợ là ghi bà T nợ 5000kg cà phê là do ông D tự ý viết thêm dòng chữ có mượn 5000kg cà phê mà không có chữ ký xác nhận sửa chữa bổ sung Giấy vay nợ xem như Giấy vay nợ ngày 01/01/2018 giữa ông D và bà T không có giá trị về mặt pháp lý. Do ông D không có cho bà T vay 5000kg cà phê nên ngày 01/8/2018 ông D xác lập lại hợp đồng đầu tư phân bón cho bà T ký tên có số tiền nợ 272.650.000 đồng nhưng không có nợ 5000kg cà phê nhân. Giấy vay nợ không ghi số tiền lãi suất, không có xác lập rõ họ tên, địa chỉ của người cho vay nợ, không có chữ ký của người cho vay nợ, không có ghi họ tên năm sinh ông của ông D, không có ghi địa chỉ thường trú của ông D, không biết Nga D1 là ai nên không có căn cứ để xác định ông D1 là người cho bà T vay tiền và mượn cà phê nhân, không có căn cứ buộc bà T phải trả cho ông D1 272.650.000 đồng và 500kg cà phê.

Ông Lê Xuân Đ không tham gia ký kết hợp đồng nên ông D1 kiện ông Đ là sai đối tượng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ Điều 429 của BLDS để xem xét về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án số: 22/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc D về việc tranh chấp kiện đòi tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Châu Ngọc Danh s tiền 272.650.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/7/2024 ông Nguyễn Thanh T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn số tiền 50.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm đã tuyên. Số tiền còn lại buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 222.650.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Đồng thời các bên đương sự đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” ngày 01/01/2018.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy việc các bên thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh T1 nộp trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm số tiền 50.000.000 đồng so với bản án sơ thẩm đã tuyên, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại là 222.650.000 đồng. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Ngoài ra các bên đương sự còn đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” ngày 01/01/2018 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.132.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu 50% theo thỏa thuận với số tiền là 5.566.000 đồng (làm tròn).

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số: 22/2024/DS-ST ngày 08/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T chấp nhận trả cho ông Châu Ngọc Danh s tiền 222.650.000 đồng (*Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Châu Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền nêu trên, nếu bà Nguyễn Thị T không trả thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Ghi nhận việc các bên đương sự đề nghị hủy bỏ “Hợp đồng đầu tư phân bón” lập ngày 01/01/2018 giữa ông Lê Xuân Đ, bà Nguyễn Thị T với ông Châu Ngọc D.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.566.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Ông Châu Ngọc D phải chịu 5.566.000 đồng được khấu trừ số tiền 10.488.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp và hoàn trả cho ông Châu Ngọc Danh s tiền 4.922.000 đồng theo Biên thu tạm ứng án phí số 0001704 ngày 08/11/2023 tại Chi CụcThi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (*báu trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005960 ngày 25/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Lê Văn Hữu